

Số: /TTr-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2020

### **TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Công văn số 1008/VPUBND-KT ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc hoàn chỉnh nội dung và gia hạn thời gian trình dự thảo Nghị quyết;*

*Căn cứ Báo cáo số 574/BC-STP ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân 12 huyện, thị xã, thành phố, 05 sở, ngành (Sở Tài chính, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp và Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Đồng Tháp)<sup>1</sup> và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tổng hợp ý kiến góp ý xem phụ lục I). Cụ thể:

#### **1. Lấy ý kiến góp ý đối tượng chịu tác động**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Văn Phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh đăng nội dung đề nghị cho ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Cổng thông tin của Ủy ban nhân dân Tỉnh từ ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Đồng thời, phối hợp với Đài Phát thanh và truyền hình Đồng Tháp phát thông báo thông tin về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết trên sóng phát thanh vào khung giờ từ 5h30 đến 5h50 các ngày 25 tháng 6 và ngày 3, 4, 5 tháng 7 năm 2020 và trên sóng truyền hình vào khung giờ từ 18h10-18h15 các ngày 25

---

<sup>1</sup> Công văn số 721/SNN-KHTC ngày 07 tháng 4 năm 2020 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết. Theo đó ý kiến góp ý gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 17 tháng 4 năm 2020 để tổng hợp.

tháng 6 và ngày 3, 4, 5 tháng 7 năm 2020 đến các tổ chức, cá nhân biết tham gia góp ý.

Tính đến hết ngày 22 tháng 7 năm 2020 (quá thời hạn 30 ngày lấy ý kiến theo quy định), không có tổ chức, cá nhân gửi ý kiến góp ý về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định<sup>2</sup>.

## 2. Thống kê đối tượng chịu tác động và lộ trình thực hiện di dời

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thống kê cơ sở chịu tác động của dự thảo Nghị quyết là 4.557 cơ sở. Trong đó, chăn nuôi nông hộ là 2.640 cơ sở, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ là 1.501 cơ sở, chăn nuôi trang trại quy mô vừa là 294 cơ sở, chăn nuôi trang trại quy mô lớn là 13 cơ sở và 109 nhà nuôi chim yến (theo thống kê hiện trạng nhà nuôi chim yến đến tháng 7 năm 2020 trên địa bàn Tỉnh có 292 nhà). Đồng thời, đề xuất lộ trình vận động người chăn nuôi thực hiện di dời đạt 50% số cơ sở chịu tác động vào năm 2021 và đến hết năm 2023 đạt 80% số cơ sở chịu tác động và phần đầu đến cuối năm 2024 hoàn thành 100% công tác vận động người chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

(Thống kê đối tượng chịu tác động và lộ trình di dời xem phụ lục IIA và IIB)

## 3. Thuyết minh định mức hỗ trợ di dời

### 3.1. Xây dựng định mức hỗ trợ

#### \* Phương án 1:

Định mức hỗ trợ di dời được tham khảo mức hỗ trợ bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 1 điều 13 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể:

STT	Di dời nhà theo QĐ 27/2014/QĐ-UBND		Di dời cơ sở chăn nuôi		
	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Định mức (triệu đồng/nhà)	Quy mô	Diện tích trung bình (m <sup>2</sup> )	Định mức di dời trong tỉnh (triệu đồng/cơ sở)
1	DT < 15	2	Nông hộ	DT ~ 30	2
2	15 < DT < 30	3	Trang trại nhỏ	DT ~ 120	3
3	30 < DT < 45	4	Trang trại vừa	DT ~ 810	4
4	DT > 45	6	Trang trại lớn	DT ~ 1.800	6

<sup>2</sup> Công văn 1253/SNN-KHTC ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị cho ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội Đồng nhân dân Tỉnh

Với định mức như trên thì tỷ lệ hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi theo **quy mô** ứng với tổng mức đầu tư bình quân là:

- **Cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 45 triệu đồng/cơ sở): Mức hỗ trợ 2 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 4,4%/tổng mức đầu tư.

- **Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 180 triệu đồng/cơ sở): Mức hỗ trợ 3 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 1,7%/tổng mức đầu tư.

- **Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 1.200 triệu đồng/cơ sở): Mức hỗ trợ 4 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,3%/tổng mức đầu tư.

- **Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 2.700 triệu đồng/cơ sở): Mức hỗ trợ 6 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,2%/tổng mức đầu tư.

**Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ công tác di dời cơ sở chăn nuôi theo phương án 1 là 9.170 triệu đồng.**

**\* Phương án 2:**

Định mức hỗ trợ di dời được xây dựng dựa trên chi phí tháo dỡ cơ sở chăn nuôi (hỗ trợ chi phí tháo dỡ đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và nông hộ là 1.000.000 đồng/cơ sở, trang trại quy mô vừa là 2.000.000 đồng/cơ sở, trang trại quy mô lớn và nhà yến là 3.000.000 đồng/cơ sở) và khoảng cách di dời cơ sở chăn nuôi đến vị trí phù hợp (di dời trong cùng xã không hỗ trợ, trong huyện (khác xã) hỗ trợ 2.000.000 đồng/cơ sở, trong tỉnh (khác huyện) hỗ trợ 4.000.000 đồng/cơ sở). Khi đó, định mức mức hỗ trợ là:

<b>Công tháo dỡ Khoảng cách</b>	Nông hộ, trang trại quy mô nhỏ (1 triệu đồng/cơ sở)	Trang trại quy mô vừa (2 triệu đồng/cơ sở)	Trang trại quy mô lớn (3 triệu đồng/cơ sở)
Di dời trong xã (0 triệu đồng/cơ sở)	1 + 0 = 1 triệu đồng/cơ sở	2 + 0 = 2 triệu đồng/cơ sở	3 + 0 = 3 triệu đồng/cơ sở
Di dời trong huyện (2 triệu đồng/cơ sở)	1 + 2 = 3 triệu đồng/cơ sở	2 + 2 = 4 triệu đồng/cơ sở	3 + 2 = 5 triệu đồng/cơ sở
Di dời trong tỉnh (4 triệu đồng/cơ sở)	1 + 4 = 5 triệu đồng/cơ sở	2 + 4 = 6 triệu đồng/cơ sở	3 + 4 = 7 triệu đồng/cơ sở

Với định mức như trên thì tỷ lệ hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi theo **quy mô và khoảng cách** ứng với tổng mức đầu tư bình quân là:

- **Cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 45 triệu đồng/cơ sở): Di dời trong xã là 1 triệu đồng/cơ sở,

tương ứng với tỷ lệ 2,2%/tổng mức đầu tư; di dời trong huyện là 3 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 6,7%/tổng mức đầu tư; di dời trong tỉnh là 5 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 11,1%/tổng mức đầu tư.

- **Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 180 triệu đồng/cơ sở): Di dời trong xã là 1 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,6%/tổng mức đầu tư; di dời trong huyện là 3 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 1,7%/tổng mức đầu tư; di dời trong tỉnh là 5 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 2,8%/tổng mức đầu tư.

- **Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 1.200 triệu đồng/cơ sở): Di dời trong xã là 2 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,2%/tổng mức đầu tư; di dời trong huyện là 4 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,3%/tổng mức đầu tư; di dời trong tỉnh là 6 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,6%/tổng mức đầu tư.

- **Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn** (tổng mức đầu tư xây dựng chuồng trại mới khoảng 2.700 triệu đồng/cơ sở): Di dời trong xã là 3 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,1%/tổng mức đầu tư; di dời trong huyện là 5 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,2%/tổng mức đầu tư; di dời trong tỉnh là 7 triệu đồng/cơ sở, tương ứng với tỷ lệ 0,3%/tổng mức đầu tư.

**Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ công tác di dời cơ sở chăn nuôi theo phương án 2 là 10.763 triệu đồng.**

*(chi tiết xem phụ lục III, IV và V)*

### **3.2. Đề xuất phương án chọn mức hỗ trợ**

Từ thực tế trên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất chọn **phương án 1** làm định mức hỗ trợ di dời trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh với lý do sau:

- Định mức hỗ trợ di dời theo phương án 1 được xây dựng trên cơ sở tham khảo mức hỗ trợ bồi thường chi phí di chuyển nhà khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 1 điều 13 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (tham khảo cơ sở pháp lý đã được ban hành)

- Tổng chu cầu hỗ trợ theo định mức và lộ trình di dời theo phương án 1 thấp hơn phương án 2 là 1.593 triệu đồng.

Sau khi tổng hợp các ý kiến góp ý và đối chiếu quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Chăn nuôi năm 2018 và Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật nêu trên. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân Tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- GD và PGD Sở;
- CNTY và TS;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Tất Đạt**

**PHỤ LỤC I**  
**TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý, THẨM ĐỊNH VÀ GIẢI TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /Tr-SNN ngày tháng năm năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<b>I</b>	<b>Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP</b>	
<b>1</b>	<p><b>Sự cần thiết ban hành văn bản</b></p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết, để trình Hội đồng nhân dân Tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật.</p>	
<b>2</b>	<p><b>Đối tượng, phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định phù hợp Luật chăn nuôi, Nghị định số 13/NĐ-CP.</p>	
<b>3</b>	<p><b>Về tính hợp hiến hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật</b></p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành khảo sát thực tế địa bàn quản lý đối với nội dung quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi. Đồng thời nghiên cứu thêm phương án tổ chức lấy ý kiến của các cá nhân, tổ chức là đối tượng chịu tác động trực tiếp của Nghị</p>	Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và thực hiện thống kê và lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của dự thảo Nghị quyết.

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>quyết này theo quy định tại khoản 2 điều 120 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Sở Tư pháp đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tiếp thu, ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Sở xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các ngành có liên quan để dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính khả thi, đầy đủ cơ sở pháp lý, phù hợp với nội dung văn bản quy phạm pháp luật cấp trên và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu điều chỉnh trong dự thảo
4	<p><b>Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</b></p> <p>Thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng năm 2016 của Chính phủ</p>	
5	<p><b>Điều kiện trình dự thảo văn bản</b></p> <p>Dự thảo Nghị quyết được soạn thảo đúng theo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Tuy nhiên, trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh.</p>	Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ trình theo quy định
II	<b>LẤY Ý KIẾN GÓP Ý CÁC SỞ, NGÀNH</b>	
1	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường:</b>	

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Thống nhất với nội dung, bố cục dự thảo Nghị quyết.	
2	<b>Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Đồng Tháp:</b> Thống nhất với nội dung, bố cục dự thảo Nghị quyết.	
3	<b>UBND TP. Cao Lãnh:</b> Thống nhất ý kiến về nội dung, thể thức; không có góp ý thêm	
4	<b>UBND huyện Hồng Ngự:</b> Thống nhất với nội dung, bố cục dự thảo Nghị quyết.	
5	<b>UBND huyện Châu Thành:</b> Thống nhất với nội dung, bố cục dự thảo Nghị quyết.	
6	<b>Sở Tài chính:</b> Đơn vị dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là phù hợp theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 80 của Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14. Tuy nhiên đối với định mức hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, Sở Tài chính đề nghị: - Đơn vị có thêm bảng thuyết minh về chi tiết chi phí thực hiện di dời của từng nội dung/so sánh để đưa ra mức hỗ trợ phù hợp.  - Dự kiến số lượng cơ sở di dời được hỗ trợ để ước tính tổng kinh phí thực hiện	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý và thuyết minh định mức hỗ trợ di dời như đã nêu trong nội dung tờ trình.  - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(có phân kỳ thực hiện từng năm), làm cơ sở cho việc ý kiến về cân đối ngân sách trước khi ban hành Nghị quyết.	ghi nhận ý kiến góp ý và kết quả thống kê, ước tính kinh phí đã được nêu trong nội dung tờ trình.
7	<b>Sở xây dựng:</b> Khu dân cư được quy hoạch và hình thành cả trong và ngoài khu vực nội thành, nội thị. Do đó, đề nghị điều chỉnh Điều 3 của Quy định, với nội dung sau khi điều chỉnh như sau: "Trong Nghị quyết này cụm từ <i>Khu dân cư</i> được hiểu là khu vực có đông dân cư sinh sống như: Khu chung cư, khu nhà ở công nhân, khu tái định cư, khu vực trung tâm xã, cụm dân cư, tuyến dân cư; nơi tập hợp người dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong phạm vi một khu vực nhất định".	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến của Sở xây dựng và bổ sung khu vực chợ theo ý kiến góp ý của các địa phương vào định nghĩa khu dân cư trong dự thảo.
8	<b>Sở Tư pháp</b> - Đề nghị điều chỉnh nội dung về đối tượng áp dụng tại khoản 1, Điều 2 dự thảo Quy định: " <i>Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động chăn nuôi, có liên quan đến chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</i> " thành " <i>Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi và có liên quan đến chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp</i> " cho phù hợp với quy định tại Điều 1 của Luật Chăn nuôi.	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật, bổ sung vào khoản 1, Điều 2 dự thảo.
	- Tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự", quy định: " <i>1. Khu dân cư là nơi tập hợp người dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong phạm vi một khu vực nhất định, bao gồm: Thôn, xóm, làng, bản,</i>	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, nếu hiểu cụm từ khu dân cư theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA thì khu vực không được phép chăn nuôi tương ứng gần như

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p><i>ấp, buôn, phum, sóc, khóm, tổ dân phố và đơn vị dân cư tương đương.</i>”. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh Điều 3 dự thảo Quy định về giải thích từ ngữ “Khu dân cư” phù hợp với khoản 1, Điều 3 Thông tư số 23/2012/TT-BCA.</p>	<p>cả Tỉnh. Mặt khác, cụm từ khu dân cư theo Thông tư 23 để đánh giá tiêu chuẩn “an toàn về an ninh trật tự” hàm ý khác với khu dân cư trong dự thảo Nghị quyết (nhằm hạn chế ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi đến sinh hoạt và cuộc sống của người dân), bên cạnh đó đã tham khảo định nghĩa khu dân theo Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND của tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của tỉnh Quảng Bình và đã kế thừa và tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Xây dựng, các địa phương để hoàn chỉnh định nghĩa khu dân cư tại Điều 3 của dự thảo nghị quyết.</p>
	<p>- Đề nghị nội dung dự thảo Quy định không quy định Điều 7 về hiệu lực thi hành. Vì hiệu lực thi hành của văn bản đã quy định tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết và phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và xóa nội dung quy định hiệu lực thi hành trong dự thảo.</p>
	<p>- Đối với nội dung quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi tại Điều 4 của dự thảo Quy định căn cứ trên cơ sở quy định của Luật Chăn nuôi thì các sở, ngành, địa phương còn có cách hiểu chưa thống nhất. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, cần có văn bản xin ý kiến của Bộ ngành cấp trên</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, tại khoản 1 điều 12 của Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định hành vi bị cấm trong chăn nuôi là chăn nuôi trong khu vực không</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trực tiếp để có cơ sở chặt chẽ đề xuất ban hành quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi.	được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư. Như vậy, trong thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư có khu vực không được phép chăn nuôi và khu vực được phép chăn nuôi và giao cho Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định chi tiết việc này tại điểm h khoản 1 điều 80 của Luật Chăn nuôi năm 2018.
	- Để đảm bảo tính khách quan và chính xác với tình hình thực tế của các địa phương trên địa bàn Tỉnh, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành khảo sát thực tế địa bàn quản lý đối với nội dung quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi.	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý và trong quá trình lấy ý kiến hoàn chỉnh dự thảo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đề xuất cụ thể khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn quản lý và đã tổng hợp vào dự thảo.
	<p>- Đồng thời nghiên cứu thêm phương án tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết theo quy định tại Khoản 2, Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.</p> <p>- Một số ý kiến góp ý về kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật như: Trình bày căn cứ, kết cấu chương, không sử dụng dấu ..., không sử dụng từ “nếu” để dẫn đến tình trạng hiểu theo nhiều cách khác nhau.</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã thực hiện lấy ý kiến cộng đồng.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật vào dự thảo.</p>
9	<b>UBND TP. Sa Đéc:</b>	

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Phần phụ lục 1 có ý kiến góp ý bổ sung thêm khu vực không được phép nuôi tất cả xã Tân Quy Tây, vì đây là xã nông thôn mới nâng cao và khu công nghiệp nằm trên địa bàn xã không phù hợp với quy hoạch nuôi chim yến.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, việc quy định khu vực không được phép chăn nuôi là bao gồm các đối tượng vật nuôi (chứ không riêng chim yến). Do đó, đề xuất không được phép chăn nuôi trong khu vực nội thành (khu vực phường thuộc thành phố) và các khu dân cư hiện hữu hoặc đã được quy hoạch, có chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế. Trong quá trình phát triển (độ thị hóa) sẽ định kỳ rà soát trình HĐND tỉnh bổ sung khu vực không được phép chăn nuôi vào nghị quyết cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.</p>
10	<p><b>UBND TX. Hồng Ngự:</b></p> <p>Cơ bản thống nhất với các nội dung của dự thảo, tuy nhiên cũng có đóng góp ý kiến ở các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên địa bàn phường An Lạc, giới hạn khu vực không được phép chăn nuôi tại khóm Sở Thượng, các khóm còn lại (Cồng Cộc, Cây Da, Trà Đur) được phép hoạt động chăn nuôi bình thường.</li> <li>- Về định mức hỗ trợ di dời: Đề xuất gom chung mục a, mục b Khoản 2, Điều 6, thành di chuyển cơ sở chăn nuôi trong phạm vi cùng một</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật, bổ sung vào dự thảo.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi với</li> </ul>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	huyện/thị/thành và định mức hỗ trợ cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn là 10.000.000 đồng/cơ sở; 100.000 đồng/m <sup>2</sup> sàn nuôi chim yến.	mục tiêu hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di chuyển cơ sở vật chất và di chuyển vật nuôi đến vị trí mới (dự trù chi tiết đã nêu ở trên). Do đó, đề xuất giữ theo dự thảo.
11	<p><b>UBND huyện Thanh Bình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với khu vực thị trấn Thanh Bình: Đề nghị không được nuôi chim yến tại Khóm Tân Đông B, Khóm Tân Đông A và Khóm Tân Thuận.</li> <li>- Đối với Khu vực các xã trên địa bàn Huyện: Đề nghị không được nuôi tại các Chợ, các khu dân cư. Về khoảng cách nuôi phải đảm bảo từ khu vực nuôi chim yến đến các khu dân cư, khu vực chợ từ 500m trở lên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật vào dự thảo.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật, bổ sung chợ vào định nghĩa khu dân cư (khu không được phép chăn nuôi). Đối với việc quy định khoảng cách tối thiểu từ cơ sở nuôi chim yến đến nơi công cộng như: Trường học, bệnh viện, khu vực không được phép chăn nuôi là cần thiết (chịu ảnh hưởng tiếng ồn của loa phóng). Qua tham khảo khoảng cách tại điểm đ khoản 2 điều 25 Nghị định 13/2020/NĐ-CP, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bổ sung khoảng cách tối thiểu là 300 mét đối với trường học, bệnh viện, khu vực không được phép chăn nuôi vào khoản 1 Điều 5 dự thảo.</li> </ul>
12	<b>UBND huyện Cao Lãnh:</b>	

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề nghị bổ sung khoản 1, Điều 4: Tất cả các khu dân cư, <b>chợ, trường học</b> hiện hữu hoặc đã được quy hoạch, có chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Đề nghị bổ sung khoản 1, Điều 5: Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 4 Nghị quyết này <b>và đảm bảo khoảng cách từ 500m trở lên.</b></p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật, bổ sung vào dự thảo.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật, bổ sung khoảng cách tối thiểu là 300 mét vào khoản 1 Điều 5 dự thảo.</p>
13	<p><b>UBND huyện Tháp Mười:</b></p> <p>- Tại Khoản 1 điều 4: “Tất cả các khu dân cư hiện hữu hoặc đã được quy hoạch, có chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt”: <i>Góp ý:</i> Cần làm rõ quy hoạch là quy hoạch: vùng, chung, phân khu hay quy hoạch chi tiết. Huyện đề xuất là quy hoạch chung, phân khu và quy hoạch chi tiết.</p> <p>- Tại Khoản 2: “Khu vực phường thuộc các thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện trên địa bàn Tỉnh”: - <i>Điều chỉnh phụ lục như sau:</i> Đối với khu vực thị trấn, chỉ cấm nuôi trong nội ô thị trấn. Không nên cấm nuôi tất cả khu vực thuộc thị trấn, vì khu vực thị trấn có khu vực nông thôn dân cư thưa. Do đó cần điều chỉnh phụ lục: “Khu vực nội thành, nội thị không được phép chăn nuôi” như sau: “Tất cả khu vực thuộc thị trấn” thành “Khu vực nội ô thị trấn”.</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, cụm từ khu dân cư được quy hoạch ở đây được hiểu là tất cả quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định (bao gồm quy hoạch chung, phân khu, chi tiết). Do đó, đề xuất giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- Trong quá trình lấy ý kiến góp ý Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã nghị nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đề xuất cụ thể khu vực, khóm thuộc thị trấn không được phép chăn nuôi. Tuy nhiên, qua góp ý của địa phương chưa nêu cụ thể (chỉ nói khu vực nội ô thị trấn). Do đó, đề xuất giữ nguyên như dự thảo (tất cả khóm thuộc thị trấn</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- <i>Bổ sung</i>: Cơ sở chăn nuôi phải đảm bảo cách xa khu dân cư (hiện hữu hay đã quy hoạch) tối thiểu là 100m, cách xa đường giao thông và nhà ở lân cận tối thiểu là 50m.</p> <p>- Tại khoản 2, Điều 6. “Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”: <i>Góp ý</i>: Định mức hỗ trợ đề nghị tăng lên, vì đầu tư một nhà yếm trên 1 tỷ/nhà do đó việc hỗ trợ tiền di dời ít quá khó khả thi. Khi di dời phải đầu tư mảnh đất mới, xây nhà yếm mới, đăng ký chuyển mục đích đất; <i>Bổ sung</i>: Nên quy định tỷ lệ % hỗ trợ nhân (x) với giá trị nhà yếm đang nuôi (giá trị xây dựng).</p>	<p>Mỹ An).</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bổ sung khoảng cách tối thiểu là 300 mét đối với trường học, bệnh viện, khu vực không được phép chăn nuôi vào khoản 1 Điều 5 dự thảo.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi với mục tiêu hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di chuyển cơ sở vật chất và di chuyển vật nuôi đến vị trí mới (dự trừ chi tiết đã nêu ở trên). Định mức được xây dựng dựa trên quy mô cơ sở, khoảng cách di chuyển bình quân theo địa bàn và điều kiện thực tế. Do đó, đề xuất giữ nguyên như dự thảo.</p>
14	<p><b>UBND huyện Lai Vung:</b></p> <p>- Định nghĩa về khu dân cư: Nên bỏ cụm từ <i>nơi có nhiều người dân, hộ gia đình cư trú sinh sống</i>, vì nếu hiểu như thế thì tất cả các tuyến đường tỉnh, đường huyện, ven kênh rạch trên địa bàn huyện đều là khu dân cư và thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.</p> <p>- Thống nhất theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, khu vực không được phép chăn nuôi của huyện Lai Vung gồm tất cả khu vực thuộc</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và cập nhật, bổ sung vào dự thảo.</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Thị trấn Lai Vung.</p> <p>- Thống nhất với đối tượng hỗ trợ, định mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ và lộ trình thực hiện từ khi ban hành Nghị quyết đến năm 2025.</p>	
15	<p><b>UBND huyện Lấp Vò:</b></p> <p>- Thống nhất với <b>Phụ lục khu vực nội thành, nội thị không được phép chăn nuôi</b> là trên địa huyện Lấp Vò khu vực không được phép chăn nuôi là toàn bộ thị trấn Lấp Vò.</p> <p>- Đối với điểm b, điểm c, mục 2 của Điều 6 (Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp) đề nghị nghiên cứu tăng thêm mức hỗ trợ đối với việc di dời cơ sở nuôi chim yến như sau:</p> <p>+ Nếu di chuyển cơ sở nuôi chim yến trong phạm vi cùng một huyện, thị xã, thành phố thì hỗ trợ cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn từ 5.000.000 đồng/nhà yến thành <b>7.000.000 đồng/nhà yến</b>.</p> <p>+ Nếu di chuyển nhà nuôi chim yến đến các huyện, thị xã, thành phố khác trong Tỉnh thì hỗ trợ cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn từ 7.000.000 đồng/nhà yến thành <b>10.000.000 đồng/nhà yến</b>.</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi với mục tiêu hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di chuyển cơ sở vật chất và di chuyển vật nuôi đến vị trí mới (dự trù chi tiết đã nêu ở trên). Do đó, đề xuất giữ theo dự thảo.</p>
16	<p><b>UBND Tân Hồng</b></p> <p>Qua nghiên cứu dự thảo, Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng đề nghị điều chỉnh khoản 2 Điều 6 lại thành:</p> <p>a) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi trong phạm vi cùng một xã, phường, thị</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>



STT	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>trần thì được hỗ trợ 3.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ và trang trại quy mô nhỏ, 5.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, 8.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn.</p> <p>b) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi trong phạm vi cùng một huyện, thị xã, thành phố thì được hỗ trợ 8.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ, 9.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, 12.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn.</p> <p>c) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi đến các huyện, thị xã, thành phố khác trong Tỉnh thì hỗ trợ 12.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ, 14.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa 17.000.000 đồng/ cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn.</p>	<p>ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi với mục tiêu hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di chuyển cơ sở vật chất và di chuyển vật nuôi đến vị trí mới (dự trù chi tiết đã nêu ở trên). Do đó, đề xuất giữ theo dự thảo.</p>
17	<p><b>UBND Tam Nông:</b></p> <p>- <i>Về khu vực nuôi chim yến:</i> quy định cụ thể khoảng cách được phép nuôi chim yến cách xa nơi “Khu dân cư” là bao nhiêu mét (m) để địa phương dễ thực hiện.</p> <p>- <i>Khu vực không được phép nuôi chim yến:</i> Đề nghị bổ sung tất cả khu vực thuộc địa bàn xã An Long vào phụ lục: khu vực nội thành, nội thị không được phép chăn nuôi, do hiện nay trung tâm xã An Long đang hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp thẩm quyền công nhận đạt đô thị loại V.</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bổ sung khoảng cách tối thiểu là 300 mét đối với trường học, bệnh viện, khu vực không được phép chăn nuôi vào khoản 1 Điều 5 dự thảo.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến góp ý. Tuy nhiên, trong dự thảo đã bổ sung trung tâm xã là khu dân cư nên không được phép chăn nuôi.</p>

**PHỤ LỤC IIA****THỐNG KÊ CƠ SỞ CHĂN NUÔI CHỊU TÁC ĐỘNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /Tr-SNN ngày tháng năm năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời	ĐVT	Cơ sở chịu tác động theo phạm vi đề xuất của dự thảo Nghị quyết												
			Tổng	Tân Hồng	Hồng Ngự	TX. Hồng Ngự	Tam Nông	Thanh Bình	Cao Lãnh	Tháp Mười	Lấp Vò	Lai Vung	Châu Thành	TP. Sa Đéc	TP. Cao Lãnh
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	<b>2.640</b>	1.644	312	66	21	20	13	66	3	59	191	183	62
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	<b>1.501</b>	185		3	45	3	12	32	5	1	143	832	240
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	<b>294</b>	36			26		3	6			46	1	176
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	<b>13</b>				2		6						5
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	<b>109</b>	9	6	20	12	2	4	13	5	5			33
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.557</b>	<b>1.874</b>	<b>318</b>	<b>89</b>	<b>106</b>	<b>25</b>	<b>38</b>	<b>117</b>	<b>13</b>	<b>65</b>	<b>380</b>	<b>1.016</b>	<b>516</b>

## PHỤ LỤC IIA

**ĐỀ XUẤT LỘ TRÌNH THỰC HIỆN DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI RA KHỎI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số     /Tr-SNN ngày     tháng     năm năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời	ĐVT	Lộ trình huyện đăng ký				Lộ trình Sở NN đề xuất			
			Số lượng di dời trong xã	Số lượng di dời trong huyện	Tổng số cơ sở chịu tác động	%	Số lượng di dời trong xã	Số lượng di dời trong huyện	Tổng số cơ sở chịu tác động	%
<b>I</b>	<b>TOÀN TỈNH</b>		<b>289</b>	<b>4.268</b>	<b>4.557</b>	<b>100</b>	<b>289</b>	<b>4.268</b>	<b>4.557</b>	<b>100</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	153	2.487	2.640	58	153	2.487	2.640	58
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	76	1.425	1.501	33	76	1.425	1.501	33
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	33	261	294	6	33	261	294	6
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	0	13	13	0	0	13	13	0
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	27	82	109	2	27	82	109	2
<b>II</b>	<b>Cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời trước ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>		<b>93</b>	<b>2.562</b>	<b>2.655</b>	<b>58</b>	<b>79</b>	<b>2.198</b>	<b>2.277</b>	<b>50</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	65	2.078	2.143	47	55	1.768	1.823	40
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	18	282	300	7	15	250	265	6
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	6	159	165	4	5	138	143	3
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	0	9	9	0	0	8	8	0
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	4	34	38	1	4	34	38	1

STT	Cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời	ĐVT	Lộ trình huyện đăng ký				Lộ trình Sở NN đề xuất			
			Số lượng di dời trong xã	Số lượng di dời trong huyện	Tổng số cơ sở chịu tác động	%	Số lượng di dời trong xã	Số lượng di dời trong huyện	Tổng số cơ sở chịu tác động	%
<b>III</b>	<b>Cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>		<b>58</b>	<b>246</b>	<b>304</b>	<b>7</b>	<b>170</b>	<b>1.196</b>	<b>1.366</b>	<b>30</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	27	97	124	3	98	678	776	17
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	20	110	130	3	61	479	540	12
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	6	31	37	1	6	31	37	1
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	5	8	13	0	5	8	13	0
<b>IV</b>	<b>Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời sau ngày 1 tháng 12 năm 2023 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025</b>		<b>138</b>	<b>1.460</b>	<b>1.598</b>	<b>35</b>	<b>40</b>	<b>874</b>	<b>914</b>	<b>20</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	61	312	373	8	0	41	41	1
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	38	1.033	1.071	24	0	696	696	15
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	21	71	92	2	22	92	114	3
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	0	4	4	0	0	5	5	0
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	18	40	58	1	18	40	58	1



**PHỤ LỤC III**  
**KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI 120m<sup>2</sup>**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số      /Tr-SNN ngày      tháng      năm năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí vật tư</b>				<b>90.000.000</b>
1	Tole lợp mái	m <sup>2</sup>	150	120.000	18.000.000
2	Kẽm tròn phi 90 4 ly (cột)	m	70	150.000	10.500.000
3	Kẽm hợp 5x10 2 ly (vì kèo)	m	120	100.000	12.000.000
4	Kẽm hợp 3x6 1,4 ly (giằng, đòn tay)	m	180	50.000	9.000.000
5	Bê tông lát nền (tự trộn)	m <sup>3</sup>	12	1.700.000	20.400.000
6	Gạch xây tường	viên	9.500	1.200	11.400.000
7	Xi măng	bao	60	95.000	5.700.000
8	Cát xây	m <sup>3</sup>	15	200.000	3.000.000
<b>II</b>	<b>Công thợ</b>	m <sup>2</sup>	<b>120</b>	<b>700.000</b>	<b>84.000.000</b>
<b>III</b>	<b>Dụng cụ, thiết bị chăn nuôi khác</b>	<b>Bộ</b>	<b>1</b>		<b>6.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>180.000.000</b>
	<b>Chi phí xây dựng bình quân/1m<sup>2</sup></b>				<b>1.500.000</b>

## PHỤ LỤC IV

### SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ TRÊN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /Tr-SNN ngày tháng 7 năm năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Danh mục	Chăn nuôi nông hộ (dưới 10 đơn vị vật nuôi)		Trang trại quy mô nhỏ (từ 10 - <30 đơn vị vật nuôi)		Trang trại quy mô vừa (từ 30 - <300 đơn vị vật nuôi nuôi)		Trang trại quy mô lớn + nhà yến (trên 300 đơn vị vật nuôi)	
		Định mức	%/Dự toán	Trang trại quy mô nhỏ	%/Dự toán	Trang trại quy mô vừa	%/Dự toán	Trang trại quy mô lớn	%/Dự toán
<b>I</b>	<b>Dự toán xây dựng chuồng trại</b>								
1	Đơn vị vật nuôi trung bình	5		20		135		300	
2	Số con bình quân tương ứng với heo	25		100		675		1.500	
3	Diện tích chuồng cần thiết với số con	30		120		810		1.800	
4	Tổng mức đầu tư theo diện tích (đồng)	45.000.000		180.000.000		1.215.000.000		2.700.000.000	
<b>II</b>	<b>Định mức hỗ trợ di dời dự thảo theo quy mô và khoảng cách (Phương án 2)</b>								
1	Di dời trong xã (đồng)	1.000.000	2,2	1.000.000	0,6	2.000.000	0,2	3.000.000	0,1
2	Di dời trong huyện (đồng)	3.000.000	6,7	3.000.000	1,7	4.000.000	0,3	5.000.000	0,2
3	Di dời trong tỉnh (đồng)	5.000.000	11,1	5.000.000	2,8	6.000.000	0,5	7.000.000	0,3
<b>III</b>	<b>Mức hỗ trợ di dời dự thảo theo quy mô và khoảng cách tham khảo theo QĐ 27/2014/QĐ-UBND (Phương án 1)</b>	2.000.000	4,4	3.000.000	1,7	4.000.000	0,3	6.000.000	0,2

**PHỤ LỤC V**

**KHÁI TOÁN TỔNG MỨC HỖ TRỢ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN DI DỜI**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /Tr-SNN ngày tháng 7 năm năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời	ĐVT	Di dời theo phương án 1		Di dời theo phương án 2					
			Cơ sở chịu tác động	Kinh phí hỗ trợ di dời (triệu đồng)	Cơ sở chịu tác động			Kinh phí hỗ trợ di dời (triệu đồng)		
					Tổng	Trong xã	Trong huyện	Tổng	Trong xã	Trong huyện
<b>I</b>	<b>TOÀN TỈNH</b>		<b>4.557</b>	<b>9.170</b>	<b>4.557</b>	<b>289</b>	<b>4.268</b>	<b>11.034</b>	<b>271</b>	<b>10.763</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	2.640	4.773	2.640	153	2.487	6.913	124	6.789
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	1.501	2.973	1.501	76	1.425	2.858	58	2.800
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	294	904	294	33	261	863	40	823
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	13	63	13	0	13	53	0	53
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	109	457	109	27	82	348	50	298
<b>II</b>	<b>Thực hiện di dời trước ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>		<b>2.277</b>	<b>5.289</b>	<b>2.277</b>	<b>79</b>	<b>2.198</b>	<b>6.908</b>	<b>92</b>	<b>6.816</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	1.823	3.646	1.823	55	1.768	5.359	55	5.304
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	265	795	265	15	250	765	15	750
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	143	572	143	5	138	562	10	552
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	8	48	8	0	8	40	0	40
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	38	228	38	4	34	182	12	170
<b>III</b>	<b>Thực hiện di dời sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>		<b>1.366</b>	<b>2.379</b>	<b>1.366</b>	<b>170</b>	<b>1.196</b>	<b>2.675</b>	<b>130</b>	<b>2.545</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	776	1.086	776	98	678	1.492	69	1.424
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	540	1.134	540	61	479	1.049	43	1.006
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	37	104	37	6	31	95	8	87



STT	Cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời	ĐVT	Di dời theo phương án 1		Di dời theo phương án 2					
			Cơ sở chịu tác động	Kinh phí hỗ trợ di dời (triệu đồng)	Cơ sở chịu tác động			Kinh phí hỗ trợ di dời (triệu đồng)		
					Tổng	Trong xã	Trong huyện	Tổng	Trong xã	Trong huyện
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	13	55	13	5	8	39	11	28
<b>IV</b>	<b>Thực hiện di dời sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025</b>		<b>914</b>	<b>1.502</b>	<b>914</b>	<b>40</b>	<b>874</b>	<b>1.451</b>	<b>49</b>	<b>1.402</b>
1	Chăn nuôi nông hộ	cơ sở	41	41	41	0	41	62	0	62
2	Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ	cơ sở	696	1.044	696	0	696	1.044	0	1.044
3	Chăn nuôi trang trại quy mô vừa	cơ sở	114	228	114	22	92	206	22	184
4	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn	cơ sở	5	15	5	0	5	13	0	13
5	Nhà nuôi chim yến	nhà	58	174	58	18	40	127	27	100